|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS&THPT VĨNH HÒA**  **TỔ NGỮ VĂN** | **ĐỀ THI GIỮA KÌ I**  **MÔN: NGỮ VĂN 10**  **Năm học: 2023-2024** |

**MA TRẬN ĐỀ - MÔN NGỮ VĂN LỚP 10**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng** | | **Mức độ nhận thức** | | | | | | |  |
| Nhận biết | Thông hiểu | | | Vận dụng | | Vận dụng cao | **Tỉ lệ** |
| **1** | **Đọc** | Thần thoại và sử thi | | **3** | **3** | | | **1** | | **1** | **60** |
| Truyện | |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội | | **1\*** | **1\*** | | | **1\*** | | **1\*** | **40** |
| Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học | |
| Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm | |
| **Tổng** | | | | ***25*** | ***35*** | | | ***30*** | | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ%** | | | | **60** | | | | **40** | | |
|  | | | **25%** | | | **35%** | **30%** | | **10%** | |  | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com**

**https://www.vnteach.com**

**BẢN ĐẶC TẢ**

**NĂM HỌC 2023-2024**

**MÔN NGỮ VĂN 10**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi**  **theo mức độ nhận thức** | | | | | **Tỉ lệ %** | |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận Dụng | Vận dụng cao |  | |
| **1** | **1. Đọc hiểu** | 1.Thần thoại. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thể loại thần thoại.  - Nhận biết được không gian, thời gian trong truyện thần thoại.  - Nhận biết được đặc điểm của cốt truyện, câu chuyện, nhân vật trong truyện thần thoại.  - Nhận biết được đề tài; các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại.  - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong truyện thần thoại.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Phân tích được những đặc điểm của nhân vật; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm.  - Chỉ ra được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại; lí giải được mối quan hệ giữa đề tài, chi tiết, câu chuyện và nhân vật trong tính chỉnh thể của truyện thần thoại.  - Xác định được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; chỉ ra và phân tích được những căn cứ để xác định chủ đề của văn bản.  - Lí giải được tình cảm, thái độ của người kể chuyện với nhân vật trong truyện thần thoại.  - Phát hiện và lí giải các giá trị đạo đức, văn hóa từ văn bản.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật xây dựng nhân vật.  **Vận dụng**:  - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với tình cảm, quan niệm, cách nghĩ của bản thân trước một vấn đề đặt ra trong đời sống hoặc văn học.  **Vận dụng cao**:  - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng,… trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân.  - Liên hệ để thấy một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm thần thoại thuộc những nền văn học khác nhau. | 3 câu | 3 câu | 1 câu | 1 câu | 60 | |
| 2. Sử thi. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đặc điểm của không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật trong sử thi.  - Nhận biết được người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất); điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong sử thi.  - Nhận biết được đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của sử thi.  - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong sử thi.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện của đoạn trích / tác phẩm.  - Phân tích được những đặc điểm của nhân vật trong sử thi; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong đoạn trích / tác phẩm.  - Xác định được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; chỉ ra và phân tích được những căn cứ để xác định chủ đề của văn bản.  - Phát hiện và lí giải các giá trị đạo đức, văn hóa từ văn bản.  - Lí giải được tác dụng của việc lựa chọn nhân vật người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất); lựa chọn điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong sử thi.  - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của đề tài; các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của sử thi; lí giải được mối quan hệ giữa đề tài, chi tiết, câu chuyện và nhân vật trong tính chỉnh thể của sử thi.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật xây dựng nhân vật, sự kiện trong sử thi.  **Vận dụng**:  - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với tình cảm, quan niệm, cách nghĩ của bản thân trước một vấn đề đặt ra trong đời sống hoặc văn học.  **Vận dụng cao**:  - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân.  - Liên hệ để thấy một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm sử thi thuộc những nền văn học khác nhau. |
| 3. Truyện. | **Nhận biết:**  **-** Nhận biết lời kể, ngôi kể, lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - Nhận biết đề tài, không gian, thời gian, chi tiết tiêu biểu trong truyện.  - Nhận biết được những đặc điểm của nhân vật, cốt truyện, câu chuyện trong tác phẩm truyện.  - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hóa được thể hiện trong văn bản truyện.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện và lí giải được ý nghĩa, tác dụng của cốt truyện.  - Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện và lí giải được mối quan hệ giữa các yếu tố này trong tính chỉnh thể của tác phẩm.  - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của việc lựa chọn lời kể, ngôi kể, điểm nhìn trong tác phẩm.  - Phân tích, đánh giá được đặc điểm của nhân vật và vai trò của nhân vật trong tác phẩm.  - Xác định được chủ đề, tư tưởng của tác phẩm; chỉ ra được những căn cứ để xác định chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.  - Phát hiện và lí giải các giá trị đạo đức, văn hóa từ văn bản.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật xây dựng nhân vật.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với tình cảm, quan niệm, cách nghĩ của bản thân trước một vấn đề đặt ra trong đời sống hoặc văn học.  **Vận dụng cao:**  - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân.  - Liên hệ để thấy một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm truyện thuộc những nền văn học khác nhau. |
| **2** | **Viết** | 1. Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội. | **Nhận biết:**  **-** Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.  - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.  - Giới thiệu được vấn đề xã hội và mô tả được những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.  - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận.  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội.  - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.  - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic.  **Vận dụng cao**:  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm; vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 10 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết..  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết về vấn đề xã hội. | 1\* | 1\* | 1\* | 1 câu TL | 40 | |
| 2. Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học. | **Nhận biết**:  - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, thể loại,… của tác phẩm.  **-** Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.  **Thông hiểu**:  - Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm văn học.  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của tác phẩm.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm.  - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm).  - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic.  **Vận dụng cao**:  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức tác phẩm.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết.  - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 10 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. |
| 3. Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm. | **Nhận biết:**  - Nêu được thói quen hay quan niệm mang tính tiêu cực, cần phải từ bỏ.  - Xác định rõ được mục đích (khuyên người khác từ bỏ thói quen / quan niệm), đối tượng nghị luận (người / những người mang thói quen / quan niệm mang tính tiêu cực).  **-** Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.  - Trình bày được những khía cạnh mang tính tiêu cực, bất lợi của thói quen / quan niệm; những lợi ích của việc từ bỏ thói quen / quan niệm ấy.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Thể hiện được thái độ tôn trọng với đối tượng thuyết phục; chỉ ra được lợi ích của việc từ bỏ thói quen, quan niệm.  - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic.  **Vận dụng cao**:  - Sử dụng kết hợp của phương thức miêu tả, biểu cảm, … để tăng sức thuyết phục cho lập luận.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết.  - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 10 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | **25%** | **35%** | **30%** | **10%** | **100%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60%** | | **40%** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS&THPT VĨNH HÒA**  **TỔ NGỮ VĂN** | **ĐỀ THI GIỮA KÌ I**  **MÔN: NGỮ VĂN 10**  **Năm học: 2023-2024** |

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

Đọc văn bản sau:

*Có lần thần Đi-ô-ni-dốt hiện ra, cho vua Mi-đát được ước một điều. Mi-đát vốn tham lam nên nói ngay:*

*- Xin Thần cho mọi vật tôi chạm đến đều hóa thành vàng!*

*Thần Đi-ô-ni-dốt mỉm cười ưng thuận.*

*Vua Mi-đát thử bẻ một cành sồi, cành đó liền biến thành vàng. Vua ngắt một quả táo, quả táo cũng thành vàng nốt. Tưởng không có ai trên đời sung sướng hơn thế nữa!*

*Bọn đầy tớ dọn thức ăn cho Mi-đát. Nhà vua sung sướng ngồi vào bàn. Và lúc đó ông mới biết mình đã xin một điều ước khủng khiếp. Các thức ăn, thức uống khi vua chạm tay vào đều biến thành vàng. Mi-đát bụng đói cồn cào, chịu không nổi, liền chắp tay cầu khẩn:*

*- Xin Thần tha tội cho tôi! Xin Người lấy lại điều ước để cho tôi được sống!*

*Thần Đi-ô-ni-dốt liền hiện ra và phán:*

*- Nhà ngươi hãy đến sông Pác-tôn, nhúng mình vào dòng nước, phép màu sẽ biến mất và nhà người sẽ rửa sạch được lòng tham.*

*Mi-đát làm theo lời dạy của thần, quả nhiên thoát khỏi cái quà tặng mà trước đây ông hằng mong ước. Lúc ấy, nhà vua mới hiểu rằng hạnh phúc không thể xây dựng bằng ước muốn tham lam.*

(*Điều ước của vua Mi-đát*,trích *Thần thoại Hi Lạp*, Nhữ Thành dịch)

**Trả lời các câu hỏi:**

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại nào?

Câu 2. Nhân vật chính trong văn bản trên là ai?

Câu 3. Vua Mi-đát đã xin thần Đi-ô-ni-dốt điều gì?

Câu 4. Bài học mà nhà vua Mi-đát hiểu ra là gì?

Câu 5. Nêu 2 chi tiết thần kì của văn bản trên khiến anh/ chị thích thú. Theo anh/chị, tác

dụng của chi tiết thần kì đối với văn bản là gì?

Câu 6.Thông điệp mà người xưa muốn gửi gắm qua văn bản trên là gì?

Câu 7. Anh/ Chị có đồng tình với quan điểm*: “Hạnh phúc không thể xây dựng bằng ước muốn tham lam”* không? Vì sao?

Câu 8. Theo anh/chị, làm thế nào để con người chế ngự được lòng tham?(Trả lời trong khoảng 5-7 dòng)

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Từ văn bản đọc hiểu, anh/chị hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ của mình về tác hại của lòng tham trong cuộc sống.

------------------Hết------------------

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS&THPT VĨNH HÒA**  **TỔ NGỮ VĂN** | **HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI GIỮA KÌ I**  **MÔN: NGỮ VĂN 10**  **Năm học: 2023-2024** |

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 10**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
|  | **1** | Văn bản trên thuộc thể loại: Thần thoại  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời đúng như đáp án: 0,5 điểm.*  *- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0,0 điểm.* | 0.5 |
| **2** | Nhân vật chính trong văn bản trên là: Vua Mi-đát  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời đúng như đáp án: 0,5 điểm.*  *- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0,0 điểm.* | 0.5 |
| **3** | Vua Mi-đát xin thần Đi-ô-ni-dốt làm cho mọi vật mình chạm vào đều biến thành vàng.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời đúng như đáp án: 0,5 điểm.*  *- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0,0 điểm.* | 0.5 |
| **4** | Vua Mi –đát đã hiểu ra được một điều có tính chất chân lí của cuộc sống: Đó là sự sung sướng, hạnh phúc không thể được xây dựng trên những ước muốn tham lam của con người.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời đúng như đáp án: 1.0 điểm.*  *- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt hoặc còn thiếu ý: 0,5 điểm.*  *- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0,0 điểm.* | 1.0 |
| **5** | - Nêu 2 chi tiết thần kì của văn bản:  + Cành sồi biến thành vàng; quả táo biến thành vàng  + Thức ăn, thức uống biến thành vàng  + Dòng nước sông Pác-tôn  - Tác dụng của chi tiết thần kì đối với văn bản: Thúc đẩy sự phát triển của cốt truyện; tạo nên sự li kì hấp dẫn cho câu chuyện; đây chính là "sức mạnh" của các chi tiết thần kì, chi tiết thần kì còn thể hiện trí tưởng trượng kì diệu của người cổ đại.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời đúng như đáp án: 1.0 điểm.*  *- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt hoặc còn thiếu ý: 0,5 điểm.*  *- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0,0 điểm.* | 1.0 |
| 6 | Thông điệp mà người xưa muốn gửi gắm qua văn bản:  + Đừng sống tham lam, ham muốn ích kỉ.  + Phải sống bằng sức lao động chân chính của bản thân để đạt được hạnh phúc trọn vẹn.  + Nếu luôn tham lam, tranh giành lợi lộc sẽ chịu những hậu quả thích đáng.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời đúng 03 thông điêp: 1.0 điểm.*  *- Học sinh trả lời 02 thông điệp : 0.75*  *- Học sinh trả lời 01 thông điệp: 0,5 điểm*  *- Học sinh không trả lời hoặc trả lời sai: 0.0 điểm* | 1.0 |
| 7 | HS trình bày quan điểm cá nhân. Sau đây là gợi ý:  Quan điểm: “Hạnh phúc không thể xây dựng bằng ước muốn tham lam”  Đồng tình. Vì:  + Hạnh phúc là phạm trù tinh thần, vàng bạc là phạm trù vật chất. Dù cuộc sống tinh thần của con người có được một phần nhờ vào sự đầy đủ của vật chất nhưng tham lam vô độ chỉ khiến con người rơi vào bi kịch.  + Ước muốn cao đẹp, sống hết mình vì đam mê chính đáng mới đem lại hạnh phúc.  + Tham lam vô độ không thể đạt được hạnh phúc.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh nêu quan điểm: 0.25 điểm.*  *- Học sinh có lý giải hợp lí, thuyết phục: 0.75* | 1.0 |
| 8 | HS trình bày giải pháp  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời đúng 02 giải pháp trở lên: 0.5điểm.*  *- Học sinh trả lời 01 giải pháp : 0.25* | 0.5 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4.0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề | 0.25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Tác hại của lòng tham trong cuộc sống*  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm.*  *- Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.* | 0.25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS có thể viết bài nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; đảm bảo các yêu cầu sau: | 2.5 |
|  | \* Giải thích  Lòng tham là sự tham lam, khát khao vô độ về thứ gì đó như tiền bạc, quyền lực, địa vị… nhiều hơn so với nhu cầu và từ đó dẫn dắt con người sống và làm theo nhiều hành động tiêu cực gây tổn hại cho xã hội, cho người khác.  \* Tác hại  Lòng tham khiến con người trở nên mù mịt, mộng mị, mê muội không nhìn thấy tác hại của những hành động mình đang làm.  Lòng tham sẽ ăn mòn dần tâm trí của con người, khiến họ không thể phân biệt được đúng sai, khiến họ có những hành động đi trái lại với lương tâm, đạo đức, thậm chí là trái với pháp luật để trục lợi về bản thân mình.  Lòng tham còn khiến bản thân mỗi người rơi vào vòng xoáy của tội lỗi, vào những vũng bùn của xã hội khó có thể quay đầu, khó có được lòng tin, sự tín nhiệm của người khác, lâu dần dẫn đến việc bị cô lập, cuộc sống tụt dốc và bị đào thải.  \* Chứng minh  Học sinh tự lấy dẫn chứng về những con người có lòng tham lam vô độ và nhận hậu quả để minh họa cho bài làm văn của mình.  \* Bàn luận mở rộng  Tuy nhiên, trong cuộc sống vẫn còn có nhiều người sống có lòng tốt, biết yêu thương, san sẻ với những người xung quanh, sẵn sàng giúp đỡ người khác, cho đi mà không mong nhận lại,… Những người này xứng đáng được tuyên dương, ca ngợi và học hỏi.  \* Liên hệ bản thân  Mỗi người cần giữ cho mình một quan điểm, một bản lĩnh vững vàng, biết kìm hãm những nhu cầu của cá nhân, không tham lam, sân si quá mức với người khác và hướng đến lối sống, thói quen tích cực, lành mạnh.  Biết trân trọng, nâng niu cuộc sống của mình, những gì mình đang có, từ đó biết phấn đấu để đạt được thành tích và công trạng riêng cho bản thân, ghi lại dấu ấn trong xã hội cũng như cho riêng mình.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữ lí lẽ và dẫn chứng (2.5 điểm).*  *- Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (1.0- 2.25 điểm).*  *- Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25- 0.75 điểm).*  ***Lưu ý:*** *Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật* |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0.5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.  ***Hướng dẫn chấm:*** *huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân khi bàn luận; có cái nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề; có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.*  *- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.*  *- Đáp ứng dược 1 yêu cầu: 0,25 điểm.* | 0.5 |
| **Tổng điểm** | | | **10.0** |

**……………Hết………….**